TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số **62**/2018/DS-PT
Ngày 16-5-2018
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Nguyệt

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Mừng

Ông Huỳnh Châu Thạch

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Trần Thị Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 46/2018/TLDS-PT ngày 03/4/2018 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2018/DS-ST ngày 01/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2018/QĐ-PT ngày 06/4/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị X (K)**, sinh năm 1949.
Địa chỉ: số 488, tổ 38, thôn L, xã X, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

Bị đơn:

1/ Vợ chồng anh **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1973.
Chị **Nguyễn Thị Kim X**, sinh năm 1974.
Địa chỉ: số 26, tổ 28, thôn B, xã X, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

2/ Bà trần thị P**(H),** sinh năm 1946.
Địa chỉ: số 26, tổ 28, thôn B, xã X, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

Do có kháng cáo của: Bà trần thị P**(H)** – Bị đơn.

(Anh H vắng mặt, các đương sự còn lại có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm,

Trong đơn khởi kiện đề ngày 13/11/2017, đơn khởi kiện bổ sung ngày 21/12/2017 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn bà Nguyễn Thị X trình bày:

Trước đây bà có giao dịch cho vay mượn tiền trực tiếp qua điện thoại với bà Trần Thị P, bà P là người thỏa thuận vay mượn, sau đó cho con dâu là Nguyễn Thị Kim X sang nhận tiền của bà và viết giấy mượn tiền, cụ thể như sau:

Lần đầu vào ngày 20/01/2016 bà P có gọi điện thoại vay số tiền 100.000.000đ và bảo chị X sang nhận tiền và viết giấy, bà đã giao đủ 100.000.000đ cho chị X, chị X đã viết giấy vay tiền giao cho bà giữ. Thỏa thuận lãi suất 3.500.000đ/100.000.000đ/tháng (tương đương 3,5%/tháng), thời hạn vay là khi thu hoạch xong đám cà chua sẽ trả đủ.

Lần thứ hai vào ngày 31/01/2016 bà P gọi điện thoại vay số tiền 100.000.000đ và cũng nói là chị X sẽ sang nhận tiền và viết giấy vay tiền, bà đã giao đủ 100.000.000đ cho chị X và chị X đã viết giấy vay tiền đưa cho bà giữ, thỏa thuận thời gian vay khoảng một đến hai tháng, lãi suất 3,5%/tháng. Tuy nhiên, giấy vay tiền ghi là 120.000.000đ bởi lẽ tính thêm 20.000.000đ mà bà P còn nợ ở khoản vay khác (khoản vay 50.000.000đ không lập giấy tờ, bà P đã trả được 30.000.000đ, còn nợ 20.000.000đ).

Lần thứ ba vào ngày 04/3/2016 chị X trực tiếp hỏi vay bà số tiền 100.000.000đ, bà có gọi điện hỏi bà P thì bà P bảo cứ cho chị X vay đi. Vì vậy, bà đã cho chị X vay 100.000.000đ, sau khi nhận tiền thì chị X đã viết giấy vay tiền cho bà. Lãi suất thỏa thuận là 3,5%/tháng, thời gian vay là khi nào bà cần sẽ trả nhưng thỏa thuận về thời hạn vay và lãi suất thì không ghi vào giấy tờ.

Quá trình vay, bà P và chị X đã trả lãi đầy đủ theo thỏa thuận từ khi vay đến tháng 02/2017. Số tiền lãi bà đã nhận từ bà P và chị X là 130.900.000đ, khi nhận không lập giấy tờ nên không xác định rõ mỗi người đã trả bao nhiêu tiền lãi cho bà. Toàn bộ số tiền gốc thì bà P và chị X chưa trả mặc dù bà yêu cầu nhiều lần. Có lần bà đến đòi tiền thì anh H (là con bà P, chồng chị X) nói đừng khởi kiện thì vợ chồng anh chị sẽ trả đầy đủ tiền cho bà trước những chủ nợ khác nhưng sau đó không thực hiện. Do bà nhận tiền lãi cao hơn quy định của pháp luật nên bà đồng ý cấn trừ số tiền lãi nhận vượt quá là 52.825.000đ (tiền lãi đã nhận 130.900.000đ - 78.075.000đ tiền lãi theo pháp luật) vào số nợ gốc. Nay yêu cầu vợ chồng anh Nguyễn Văn H, chị Nguyễn Thị Kim X và bà trần thị P cùng có trách nhiệm trả số tiền gốc 267.175.000đ, bà không yêu cầu tính lãi, ngoài ra bà không có yêu cầu nào khác.

Theo bản tự khai và lời khai tiếp theo trong quá trình tố tụng, bị đơn chị Nguyễn Thị Kim X trình bày: giao dịch vay tiền thực tế là giữa bà P (mẹ chồng chị) với bà X chứ chị không biết. Tuy nhiên, có lần chị là người trực tiếp nhận tiền từ bà X và cũng là người viết giấy mượn tiền theo yêu cầu của bà X và bà P. Số tiền 100.000.000đ vay của bà X ngày 20/01/2016 và số tiền 100.000.000đ

của lần vay thứ ba ngày 04/3/2016 là do bà P trực tiếp nhận tiền từ bà X, sau đó bà X nói giấy vay tiền do bà P ký bị rách nên yêu cầu chị viết giấy vay tiền mới cho bà X. Vì vậy, chị mới viết hai giấy mượn tiền này cho bà X. Việc thỏa thuận mức lãi suất, thời gian vay và việc trả lãi, trả gốc như thế nào thì giữa bà P với bà X chứ chị không biết. Riêng chị trực tiếp trả cho bà X một lần được 45.000.000đ, khi trả không lập giấy tờ và cũng không nói rõ là trả tiền vào khoản nợ nào. Theo chị khoản tiền vay của bà X mà các bên đang tranh chấp là do bà P trực tiếp hỏi vay, trực tiếp 02 lần nhận tiền, chị chỉ nhận hộ bà P một lần, còn anh H không liên quan đến việc vay nợ này. Vì vậy, đối với yêu cầu khởi kiện của bà X thì chị không đồng ý mà theo chị trách nhiệm trả nợ phải thuộc về bà P, chứ vợ chồng chị không có nghĩa vụ trả nợ cho bà X, ngoài ra chị không có yêu cầu nào khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà trần thị Ptrình bày: Bà thừa nhận bà chính là người hỏi vay tiền của bà X, trực tiếp thỏa thuận số tiền, mức lãi suất và thời gian vay đối với bà X. Lần vay 20/01/2016 và ngày 04/3/2016 bà là người nhận tiền, lần vay ngày 31/01/2016 chị X nhận tiền thay, trong các lần vay nêu trên chị X là người viết giấy nhận tiền cho bà X. Bà cũng thừa nhận có lần bà vay bà X 50.000.000đ, khi vay không lập giấy tờ nhưng đã trả trong 02 lần, một lần 45.000.000đ và một lần 5.000.000đ, khi trả không lập giấy tờ. Quá trình vay, bà đã trả tiền nhiều lần cho bà X nhưng không nhớ cụ thể được bao nhiêu vì khi trả không lập giấy tờ. Toàn bộ số tiền vay thì bà là người hỏi vay nên nghĩa vụ trả nợ thuộc về bà chứ anh H, chị X không có trách nhiệm trả nợ cho bà X. Theo bà tính chỉ còn nợ 25.000.000đ nên nay bà đồng ý trả số tiền này cho bà X, ngoài ra bà không có yêu cầu nào khác.

Vụ án không tiến hành hòa giải được, vì bị đơn vợ chồng anh H, chị Xuân đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số: 07/2018/DS-ST ngày 01/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ đã xử:

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện *"Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản"* của nguyên đơn bà Nguyễn Thị X đối với bị đơn vợ chồng chị Nguyễn Thị Kim X, anh Nguyễn Văn H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị P.

Buộc vợ chồng chị Nguyễn Thị Kim X, anh Nguyễn Văn H, bà trần thị P có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho bà Nguyễn Thị X số tiền 267.175.000đ (*Hai trăm sáu mươi bảy triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*).

Về án phí: Buộc vợ chồng chị Nguyễn Thị Kim X, anh Nguyễn Văn H phải chịu 8.905.800đ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà Trần Thị P.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các đương sự.

Ngày 07/3/2018 bà trần thị Pkháng cáo cho rằng chỉ còn nợ bà X 25.000.000 đồng và bà có trách nhiệm trả cho bà X, không liên quan gì đến chị X, anh H.

Tại phiên tòa hôm nay: Bà P vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, chị X đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật, bà X không đồng ý với kháng cáo của bà P.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng nêu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại giai đoạn phúc thẩm cũng như tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời nêu quan điểm đề nghị: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà P. Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa án sơ thẩm theo hướng: xác định tư cách tố tụng của bà trần thị P là bị đơn trong vụ án. Ghi nhận sự tự nguyện của bà X chỉ yêu cầu bà P, chị X, anh H trả cho bà số tiền 250.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tư cách tố tụng: Theo hồ sơ thể hiện, ngày 21/12/2017 nguyên đơn có đơn khởi kiện bổ sung (BL số 34) yêu cầu vợ chồng chị X, anh H và bà P phải thanh toán số tiền nợ theo như cam kết. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm xác định bà trần thị P là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 68 bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, cần phải xác định bà Trần Thị P tham gia tố tụng với tư cách là bị đơn trong vụ án.

[2] Xuất phát từ việc bà X và bà P có trao đổi vay tiền trực tiếp qua điện thoại với nhau, bà P là người thỏa thuận mượn tiền của bà X nhưng con dâu của bà P là chị Nguyễn Thị Kim X là người trực tiếp qua nhận tiền. Đến hạn trả nợ bà X yêu cầu bà P, anh H và chị X có trách nhiệm liên đới trả nợ nhưng anh H, chị X không trả và cho rằng trách nhiệm trả nợ là của bà P. Bà P cho rằng quá trình vay mượn thì đã trả tiền cho bà X và chỉ còn nợ bà X 25.000.000 đồng nên phát sinh tranh chấp. Cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp *"Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"* là đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bà P thấy thì thấy rằng:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện: Giữa bà X, bà P và chị X có thỏa thuận vay mượn tiền với nhau, theo các giấy vay tiền do bà X cung cấp thì vào ngày 20/01/2016 bà P gọi điện thoại cho bà X vay 100.000.000 đồng, chị X là

người đến nhận tiền và viết giấy vay tiền, thỏa thuận lãi suất 3,5%/tháng; Ngày 31/01/2016 bà P tiếp tục gọi điện cho bà X vay số tiền 100.000.000 đồng, chị X sang nhận tiền và viết giấy vay tiền, thỏa thuận lãi suất 3,5%/tháng, thời hạn vay từ một đến hai tháng. Tuy nhiên, giấy vay tiền ghi 120.000.000 đồng là do bà P còn nợ bà X khoản tiền vay khác 20.000.000 đồng nên cộng dồn vào số tiền vay là 120.000.000 đồng; Ngày 04/3/2016 chị X trực tiếp hỏi vay bà X số tiền 100.000.000 đồng, khi vay thì bà X có nói cho bà P biết, sau khi nhận tiền thì chị X là người viết giấy và ký tên trong giấy vay tiền, thỏa thuận lãi suất 3,5%/tháng, thời hạn vay là khi nào bà X cần thì sẽ trả nhưng không ghi vào giấy mượn tiền.

Trong quá trình giải quyết vụ án chị X thừa nhận chữ viết và chữ ký trong giấy vay tiền là do chị viết và ký nhận, cả chị X và bà P đều khẳng định tổng số tiền cả ba lần vay là 320.000.000 đồng là đúng như lời trình bày của bà X. Chị X thừa nhận lần vay tiền ngày 31/01/2016 chị X là người nhận tiền từ bà X, còn bà P thừa nhận lần vay tiền ngày 20/01/2016 và lần vay tiền ngày 04/3/2016 bà P là người nhận tiền, trong các lần vay nêu trên thì chị X là người viết và ký giấy vay tiền.

Đối với số tiền lãi 130.900.000 đồng nguyên đơn bà X đã nhận, do các bên thỏa thuận lãi suất 3,5%/tháng là quá cao, trái với quy định của pháp luật nên cấp sơ thẩm đã điều chỉnh số tiền lãi theo quy định của Ngân hàng nhà nước Việt Nam là 9%/năm (tương đương 0,75%/tháng). Bà X yêu cầu tính lãi đến ngày 21/12/2017 nên tính mức lãi suất là 1,125%/tháng, tổng số tiền lãi theo quy định của pháp luật là 80.820.000 đồng, bà X đã nhận số tiền lãi vượt quá quy định 50.080.000 đồng được trừ vào số tiền nợ gốc. Cấp sơ thẩm đã tính toán số tiền nợ gốc đã vay, số tiền lãi đã trả và cấn trừ số tiền lãi vượt quá quy định thì số tiền gốc còn nợ lại là 269.920.000 đồng nhưng bà X chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền 267.175.000 đồng.

Ngoài ra bà P cũng thừa nhận có vay của bà X 50.000.000 đồng nhưng đã trả được 02 lần và đã trả thêm nhiều lần cho bà X. Chị X cho rằng đã trả cho bà X 45.000.000 đồng nhưng không rõ đã trả vào khoản tiền vay nào, bà P, chị X không xuất trình được chứng cứ gì để chứng minh cho số tiền đã trả. Do đó, bà P kháng cáo cho rằng chỉ còn nợ bà X số tiền 25.000.000 đồng là không có căn cứ.

Việc bà P cho rằng bà là người trực tiếp thỏa thuận mượn tiền của bà X nên trách nhiệm trả nợ là của bà, không liên quan gì đến chị X, anh H. Tuy nhiên, cả ba lần mượn tiền giữa bà P, chị X với bà X các bên đều thừa nhận sử dụng chung vào việc làm ăn, kinh doanh buôn bán của gia đình, giữa bà P, chị X và anh H có

quan hệ là mẹ con (con đẻ, con dâu), chị X và anh H là vợ chồng. Do đó, cấp sơ thẩm buộc bà P, chị X và anh H có trách nhiệm liên đới trả tiền cho bà X là đúng quy định của pháp luật. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà P.

Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm chị X trình bày do buôn bán thua lỗ nên gặp khó khăn về kinh tế. Sau khi nghe hội đồng xét xử phân tích thì bà X đồng ý giảm cho bị đơn một phần tiền nợ, yêu cầu trả bị đơn trả cho bà số tiền 250.000.000 đồng nên ghi nhận sự tự nguyện của bà X, sửa bản án sơ thẩm theo hướng đã nhận định.

[3] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên bà P phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Chị X, anh H và bà P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả cho nguyên đơn. Do bà P là người cao tuổi nên được miễn tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bà trần thị P (H), sửa bản án sơ thẩm. Xử:

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện *"Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản"* của nguyên đơn bà Nguyễn Thị X đối với bị đơn vợ chồng chị Nguyễn Thị Kim X, anh Nguyễn Văn H và bà Trần Thị P.

Buộc vợ chồng chị Nguyễn Thị Kim X, anh Nguyễn Văn H và bà trần thị P có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho bà Nguyễn Thị X số tiền 250.000.000đ (*hai trăm năm mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Buộc vợ chồng chị Nguyễn Thị Kim X, anh Nguyễn Văn H phải chịu 8.333.333đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Miễn toàn bộ án phí Dân sự sơ thẩm và án phí Dân sự phúc thẩm cho bà trần thị P (H).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự,

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
-VKSND tỉnh Lâm Đồng;
-TAND huyện D (02);
- Phòng KTNV & THA;
- Các đương sự;
- Lưu AV – HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm Phán – Chủ Tọa Phiên Tòa

(đã ký)

Vũ Thị Nguyệt